TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/01/2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ,TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

2. Bà Bùi Lê Phương Thảo.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Trương Công Khanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 361/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 06 năm 2022; về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 249/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Diệu H; sinh năm 1991;

Địa chỉ: 1/23 Võ K, tổ 3, phường C, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Võ Thành N; sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Số 12 Kẻ T, phường L, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án nhân dân thành phố Huế, nguyên đơn chị Võ Thị Diệu H trình bày:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Diệu H và anh Lê Võ Thành N tìm hiểu nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn số 71/2011 ngày 13 tháng 10 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường B (nay là phường L), thành phố Huế. Sau khi

cưới, chị H và anh N chung sống hạnh phúc khoảng 02 năm đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không thể hòa hợp được. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh N không yêu thương chăm sóc vợ con. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hành gắn nhưng không được, nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị Võ Thị Diệu H yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Huế giải quyết ly hôn với anh Võ Thành N.

[2] Về con chung: Chị Võ Thị Diệu H xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Võ Phi L; sinh ngày 09/02/2013 hiện cháu L đang sống chung với mẹ. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu L và không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Diệu H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt và niêm yết thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nhân cố tình không đến nên không có lời khai và không hòa giải được.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật về tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng không có vi phạm gì cần kiến nghị khắc phục.

Về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí và lệ phí Toà án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Võ Thị Diệu H, xử cho chị Võ Thị Diệu H được ly hôn anh Võ Thành N.

- Về con chung: 01 con chung tên là Võ Phi L; sinh ngày 09/02/2013 hiện cháu L đang sống chung với mẹ. Sau khi ly hôn giao cháu L cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị Diệu H khai không có, nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Võ Thành N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Võ Thành N không đến làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ là tự từ bỏ thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó, Toà án căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu thu thập được để giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của chị H, kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ, ý kiến của chính quyền địa phương nơi anh N, chị H sinh sống và các tài liệu, chứng cứ khác, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Chị Võ Thị Diệu H và anh Võ Thành N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Huế vào ngày 13 tháng 10 năm 2011, nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẩn do anh N không có trách nhiệm với vợ con. Vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Toà án tống đạt hợp lệ nhưng anh N vẫn không đến Toà án làm việc. Điều này thể hiện anh N không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, từ bỏ hôn nhân. Phía chị Võ Thị Diệu H cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không còn quan tâm đến nhau nên cương quyết ly hôn.

Xét thấy mâu thuẩn giữa chị Võ Thị Diệu H và anh Võ Thành N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H xin ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Võ Phi L; sinh ngày 09/02/1993 hiện cháu L đang sống chung với mẹ. Sau khi ly hôn giao cháu L cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị Diệu H và khai không có nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Võ Thị Diệu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 88 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Diệu H.

- Về hôn nhân: Chị Võ Thị Diệu H được ly hôn anh Võ Thành N.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Võ Phi L; sinh ngày 09/02/2013 hiện cháu L đang sống chung với mẹ. Sau khi ly hôn giao cháu L cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Diệu H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003372 ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh TT Huêì;
- VKSND thành phố Huế;
-UBND phường Thuận Lộc,thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án Dân sự tp Huế;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Hằng